

ETHNIC MINORITY CULTURE IN VIETNAM IN THE CONTEXT OF INTEGRATION AND DEVELOPMENT

Tran Quoc Hung

Vietnam Academy for Ethnic Minorities
Ministry of Ethnic Minorities and Religion
Email: tranquochungxhh@gmail.com
ORCID ID: <https://orcid.org/0009-0000-9486-9783>

Article History

Received: 10/3/2026
Reviewed: 20/5/2026
Revised: 10/6/2026
Accepted: 15/6/2026
Released: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a102>

Abstract:

Managing the culture of ethnic minorities is a crucial aspect of Vietnam's strategy for preserving and promoting cultural identity. In the context of current international integration and socio-economic development, the traditional cultural values of ethnic minorities face numerous challenges due to the impacts of urbanization, globalization, the influx of new cultural trends, and changes in community lifestyles. This situation necessitates an urgent need to improve the effectiveness of cultural management to preserve and promote traditional cultural values in conjunction with sustainable development. Based on an analysis of theoretical and practical documents, this article focuses on clarifying the fundamental issues of cultural management of ethnic minorities in Vietnam in the context of integration and development; and simultaneously identifies the opportunities, challenges, and trends in the evolution of traditional cultural values. The research results contribute to providing a scientific basis for policy planning and proposing solutions to improve the effectiveness of managing, preserving, and promoting the cultural identity of ethnic minorities in the current period

Keywords: Ethnic minorities; Integration; Cultural management; Development; Vietnam.

UNESCO ISCED-F: 0314 – Sociology and Cultural Studies

OECD FoR: 500206 – Ethnology

JEL: Z13 – Economic Sociology & Anthropology

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc với 54 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó 53 dân tộc thiểu số (DTTS) sở hữu kho tàng văn hóa phong phú, đa dạng và giàu bản sắc. Các giá trị văn hóa của đồng bào DTTS được thể hiện qua ngôn ngữ, chữ viết, lễ hội, tín ngưỡng, tri thức truyền thống địa phương, nghề thủ công truyền thống và các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Đây không chỉ là bộ phận cấu thành quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng mà còn là nguồn lực nội sinh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở vùng DTTS và miền núi.

Trong những năm qua, vấn đề văn hóa DTTS đã thu hút sự quan tâm của nhiều cơ quan quản lý, tổ chức nghiên cứu và các nhà khoa học. Nhiều công trình, đề tài, dự án và luận án đã tập trung nghiên

cứu về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, phát triển văn hóa cộng đồng và chính sách dân tộc. Tuy nhiên, các nghiên cứu về quản lý văn hóa DTTS vẫn còn tương đối phân tán, chủ yếu tiếp cận từ góc độ bảo tồn văn hóa hoặc chính sách phát triển, trong khi những nghiên cứu chuyên sâu về quản lý văn hóa với tư cách là một lĩnh vực quản lý nhà nước và quản trị xã hội chưa thực sự nhiều. Đặc biệt, việc nhận diện một cách hệ thống những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển vẫn còn là khoảng trống cần tiếp tục được nghiên cứu.

Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế đang tạo ra những tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa của đồng bào DTTS. Sự giao thoa văn hóa, biến đổi phương thức sinh hoạt cộng đồng, tác động của kinh

tế thị trường và công nghệ truyền thông hiện đại đã làm cho nhiều giá trị văn hóa truyền thống đứng trước nguy cơ mai một, biến đổi hoặc thất truyền. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời thích ứng với những yêu cầu phát triển mới của đất nước.

Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết này tập trung phân tích và nhận diện những vấn đề cơ bản của quản lý văn hóa DTTS ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, qua đó góp phần làm rõ những yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS trong giai đoạn mới.

2. Thực trạng văn hóa truyền thống của DTTS trong giai đoạn hiện nay

Trên phạm vi cả nước, có 5.468 xã vùng DTTS và miền núi, chiếm 49% tổng số xã của toàn quốc. Các xã vùng DTTS và miền núi phân bố chủ yếu ở khu vực nông thôn (87,3%), thuộc phạm vi quản lý của 503/713 xã, thành phố trực thuộc tỉnh, 54/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1/4/2019, cả nước có số dân 96.208.984 người, trong đó dân số của 53 DTTS có 14.119.256 người chiếm tỷ lệ dân số là 14,68%, trong đó DTTS sinh sống ở thành thị là 1.950.857 người chiếm 13,8% và ở nông thôn là 12.168.399 người chiếm 86,2%. Dân tộc Hoa, Pu Péo, Bô Y, Ngái, Khmer là những DTTS có tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị cao nhất, lần lượt là 69,7%; 36,2%; 32,2%; 27,8% và 23,5%; trong đó, dân tộc Hoa và Khmer chủ yếu sinh sống ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Các DTTS có tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị thấp nhất là: Xinh Mun (0,6%), La Hủ (1,0%), Kháng (1,2%), La Ha (1,5%), đây đều là những DTTS đang cư trú tại các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đến nay, tình trạng du canh, du cư đã giảm mạnh nhưng cả nước vẫn còn 1.296 hộ DTTS du canh, du cư thuộc 112 xã và 35 tỉnh. Tây Nguyên là vùng có nhiều hộ du canh du cư nhất trong cả nước với hơn 40% hộ (568 hộ, tương ứng với 2.233 người). Du canh du cư là một tập quán sinh sống, một thói quen đã tồn tại từ lâu đời, ăn sâu vào tiềm thức của một bộ phận đồng bào DTTS vùng cao. Trong nhiều thập kỷ qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và thực thi rất nhiều chương trình, giải pháp tích cực, có hiệu quả nhằm giải quyết vấn đề du canh, du cư; giúp đồng bào DTTS có nhà ở, có đất canh tác hoặc việc làm ổn định, giảm dần đói nghèo, góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc có thể được thể hiện qua rất nhiều hình thức, như trang phục, âm nhạc, các phong tục tập quán và cả kiến trúc của những ngôi nhà mà họ sinh sống. Đặc trưng

nhà truyền thống của đồng bào DTTS ở Tây Bắc là những ngôi nhà sàn, ở Tây Nguyên là ngôi nhà rông... Bảo tồn và phát triển các ngôi nhà truyền thống của 53 DTTS là hết sức cần thiết nhưng cũng rất khó khăn khi vừa gìn giữ các nét văn hóa truyền thống đặc trưng của dân tộc, vừa phải đảm bảo chất lượng cuộc sống của đồng bào DTTS trong thời đại mới. Kết quả Điều tra 53 DTTS năm 2019 cho thấy, 26,2% hộ DTTS đang ở trong ngôi nhà truyền thống của dân tộc mình, giảm 3,1 điểm phần trăm so với năm 2015 (29,3%). Ba vùng có tỷ lệ hộ DTTS sống trong nhà truyền thống của dân tộc mình cao nhất gồm: Trung du và miền núi phía Bắc (38,9%), Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (26,6%) và Tây nguyên (17,9%). Dân tộc La Ha và dân tộc Kháng có tỷ lệ hộ ở nhà truyền thống cao nhất tương ứng là 82,3% và 81,0%. Một số dân tộc có tỷ lệ hộ ở nhà truyền thống rất thấp như: Gié Triêng và Chơ Ro (1,3%), Khmer (1,2%), Ngái (0,9%).

Có 32/53 DTTS có chữ viết riêng của dân tộc mình. Tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ của dân tộc mình còn thấp (15,9%). Tỷ lệ này cao nhất là ở dân tộc Ê Đê (38,8%), tiếp đến là các dân tộc Ba Na (31,7%), Hoa (31,4%), thấp nhất là ở dân tộc Co, Lự (0,8%). Tỷ lệ nam giới biết đọc, biết viết chữ của dân tộc mình cao hơn nữ giới (17,5% so với 14,2%); ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn (26,2% so với 14,4%).

Về người DTTS từ 5 tuổi trở lên biết sử dụng nhạc cụ truyền thống của dân tộc mình cũng rất khiêm tốn. Có 53/53 DTTS có biết sử dụng nhạc cụ truyền thống của dân tộc mình. Tỷ lệ người DTTS từ 5 tuổi trở lên biết sử dụng nhạc cụ truyền thống chỉ đạt 5,6%. Tỷ lệ này cao nhất là ở dân tộc Ba Na đạt 19,3%; tiếp đến là các dân tộc Cơ Tu (17,3), Gia Rai (10,8%), Xơ Đăng (10,0%), thấp nhất là ở dân tộc Ngái và dân tộc Si La (0,7%). Tỷ lệ nam giới biết sử dụng nhạc cụ truyền thống của dân tộc mình cao hơn nữ giới (7,0% so với 4,2%); ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn (4,6% so với 5,7%). Địa phương có tỷ lệ biết sử dụng nhạc cụ truyền thống của dân tộc mình cao là Bình Định (18,4%), Hà Nội (16,0%), Bình Dương (15,6%), tỉnh có tỷ lệ thấp nhất là Hà Tĩnh (0,8%).

Có 53/53 DTTS có bài hát truyền thống của dân tộc mình nhưng tỷ lệ người DTTS từ 5 tuổi trở lên biết hát bài hát truyền thống của dân tộc mình khá thấp - chiếm 13,7%. Tỷ lệ này cao nhất là ở dân tộc Khmer (33,0%), tiếp đến là các dân tộc Ba Na (29,4), Chăm (28,0%), Cơ Tu (27,5%), thấp nhất là ở dân tộc Ngái (0,9%). Tỷ lệ nam giới biết hát bài hát truyền thống của dân tộc mình thấp hơn nữ giới (12,7% so với 14,8%); ở khu vực thành thị cao hơn khu vực nông thôn (14,5% so với 13,6%). Địa phương có tỷ lệ biết hát bài hát truyền thống của dân tộc mình cao là Hải Phòng (69,0%), Long An

(56,1%), Bình Dương (38,5%), tỉnh có tỷ lệ thấp nhất là Hà Tĩnh (0,2%).

Cả 53/53 DTTS có điệu múa truyền thống của dân tộc mình nhưng tỷ lệ người DTTS từ 5 tuổi trở lên biết điệu múa truyền thống của dân tộc mình khá thấp chiếm 13,6%. Tỷ lệ này cao nhất là ở dân tộc Rơ Măm (48%), tiếp đến là các dân tộc Cơ Tu (44,8%), Lào (35,5%), thấp nhất là ở dân tộc Ngái (0,4%). Tỷ lệ nam giới biết điệu múa truyền thống của dân tộc mình thấp hơn nữ giới (11,5% so với 15,8%); ở khu vực thành thị thấp hơn khu vực nông thôn (12,5% so với 13,8%), Địa phương có tỷ lệ biết điệu múa truyền thống của dân tộc mình cao là Long An (35%), Trà Vinh (36,8%), Tây Ninh (35%), tỉnh có tỷ lệ thấp nhất là Hà Tĩnh (0,4%).

3. Văn hóa dân tộc thiểu số trong bối cảnh hội nhập và phát triển qua khung phân tích SWOT

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển ngày càng sâu rộng, việc triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng cùng chính sách, pháp luật của Nhà nước đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn. Hệ thống kết cấu hạ tầng, bao gồm điện, đường, trường, trạm và mạng lưới thông tin liên lạc, không ngừng được đầu tư và hoàn thiện, tạo điều kiện để đồng bào DTTS khai thác tiềm năng, lợi thế của cộng đồng và địa phương, qua đó hình thành những giá trị kinh tế, văn hóa mang bản sắc riêng.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đã thu hẹp khoảng cách về không gian và thời gian, mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Các hoạt động giao lưu, kết nối giữa các vùng miền, cả trên môi trường số và trong thực tiễn xã hội, ngày càng được tăng cường, góp phần thúc đẩy sự gắn kết và trao đổi văn hóa giữa các cộng đồng dân tộc.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội do hội nhập và phát triển mang lại, cộng đồng DTTS cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, nổi bật là nguy cơ mai một, biến đổi hoặc thất truyền các giá trị văn hóa truyền thống. Trên cơ sở đó, bài viết sử dụng khung phân tích SWOT để nhận diện những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của cộng đồng DTTS ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Điểm mạnh

- Nước ta có vị trí địa lý trọng yếu nằm trong chiến lược phát triển quốc tế, Việt Nam có đường biên giới trên đất liền và trên biển thuận lợi trong việc giao thương, phát triển kinh tế quốc gia.

- Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số và trong dân tộc thiểu số có một số dân tộc có sự phân ngành, phân nhóm địa phương như

dân tộc Dao, Mông, Thái, Chăm... Qua đó, cho thấy Việt Nam là quốc gia có nền văn hóa đa dạng của cộng đồng các dân tộc và sự đa dạng đó được thể hiện rõ hơn trong chính quan hệ dân tộc.

- Cộng đồng các dân tộc ở nước ta có tiềm năng thể mạnh văn hóa, cảnh quan thuận lợi về phát triển du lịch với các loại hình du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng nhờ phát huy thế mạnh về bản sắc văn hóa và các tri thức, các đặc sản vùng miền đã tạo ra các mặt hàng có giá trị cao.

- Có cơ cấu dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng cao. Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội. Nhu cầu sử dụng lao động ngày càng đa dạng tại các vùng miền đã tạo ra thị trường lao động, việc làm hấp dẫn.

- Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội luôn ổn định, tạo điều kiện thuận lợi để các cộng đồng giao lưu, học hỏi, hợp tác trên mọi mặt đời sống xã hội từ phát triển kinh tế đến giao lưu văn hóa...

- Cơ chế chính sách đầy đủ, toàn diện, thông thoáng là điều kiện cần thiết để cộng đồng các tộc người ở Việt Nam vận dụng, được tiếp cận và thụ hưởng nhằm tạo động lực giúp đồng bào xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu.

- Cộng đồng DTTS sinh sống tập trung thành bản/làng. Đặc biệt, có nhiều địa phương cấp huyện, cấp xã của vùng DTTS và miền núi có cộng đồng DTTS mật độ dân cư đến trên 50% dân số. Thuận lợi cho quá trình gìn giữ, thực hành và trao truyền bản sắc văn hóa. Đặc biệt, công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Cộng đồng rất coi trọng, quan tâm đến văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Luôn muốn được bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

- Cộng đồng DTTS nước ta luôn có tinh thần đoàn kết, cần cù trong lao động, quyết chí làm giàu trên mảnh đất quê hương.

Điểm yếu

- Về chỉ số trình độ phát triển kinh tế - xã hội của một số DTTS, đặc biệt ở các DTTS rất ít người (dưới 10.000 người) chưa cao, tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tuy đã giảm nhưng vẫn tồn tại ở cộng đồng.

- Nguồn lực tài chính phục vụ công tác văn hóa nói chung và bảo vệ, phát huy đa dạng văn hóa của cộng đồng chưa tương xứng với tài nguyên hiện hữu về văn hóa truyền thống của đồng bào và theo thời gian các giá trị văn hóa truyền thống bị mai một và thất truyền nhanh chóng. Nguồn tài chính chủ yếu dựa vào nguồn ngân sách của nhà nước.

- Chưa phát huy hết các tiềm năng, thế mạnh đa dạng văn hóa của cộng đồng các DTTS nước ta.

- Đời sống đã được cải thiện, xong nhiều nơi còn thấp, chưa đồng đều.

- Nhu cầu hưởng thụ văn hoá phức tạp, chưa được định hướng rõ ràng.

- Thể hệ trẻ chưa có nhiều cơ hội sinh hoạt, tiếp cận văn hoá truyền thống của dân tộc cũng như thực hành các giá trị văn hóa truyền thống.

- Không gian văn hoá bị phá vỡ, do mặt trái của sự phát triển.

Cơ hội

- Nằm trong khu vực phát triển kinh tế ngày càng năng động, có triển vọng rất lớn trong tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa trọng điểm của vùng.

- Các chủ trương, chính sách và chỉ đạo kịp thời của trung ương và của các vùng miền, địa phương trong việc lập quy hoạch và triển khai phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Đời sống ngày càng được nâng cao nên nhu cầu hưởng thụ, giao lưu các giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người được cộng đồng quan tâm.

- Giao lưu văn hoá với các địa phương trong và ngoài vùng, đặc biệt giao lưu quốc tế là động lực để nhà nước và cộng đồng tăng cường bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

- Cộng đồng các tộc người ở nước ta luôn chủ động, tích cực trong các hoạt động giao lưu văn hóa tạo nên sự đa dạng văn hóa dựa trên các giá trị văn hóa truyền thống song hành cùng phát triển kinh tế.

- Trong bối cảnh hội nhập và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc có cơ hội được thực hành thông qua các chương trình giao lưu cấp thôn, bản, vùng miền thậm chí vươn ra quốc tế.

- Các tri thức, sản vật vùng miền đã được sản xuất theo quy trình đảm bảo chất lượng nhằm đưa ra thị trường trong nước và quốc tế.

Thách thức

- Sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh sẽ dẫn đến gia tăng khoảng cách giàu nghèo và nảy sinh các vấn đề phức tạp.

- Sự suy giảm về tổ chức tự quản của cộng đồng không còn chặt chẽ như trước. Các không gian giao lưu truyền thống đã dần biến đổi để phù hợp với đời sống đương đại.

- Sự bùng phát của công nghệ thông tin nhiều gây nhiễu loạn trong cách tiếp cận và hưởng thụ văn hóa, ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng.

- Nhận thức của cộng đồng trong giá trị văn hóa truyền thống chưa đồng đều, giới trẻ còn chạy theo các hình thức giải trí hiện đại.

Từ những nhận định về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của cộng đồng các tộc người ở

nước ta hiện nay trong không gian văn hóa, tác giả đề xuất một số nội dung mang tính chiến lược quản lý văn hoá DTTS ở nước ta trong đời sống xã hội hiện nay.

Chiến lược phát huy các điểm mạnh

- Phát huy lợi thế nằm trong vị trí địa kinh tế - chính trị, quốc phòng - an ninh trọng yếu, đặc biệt là vùng DTTS và miền núi nơi sinh sống đông đúc của cộng đồng các tộc người ở Việt Nam

- Thực hiện hiệu quả sự chỉ đạo và sự hỗ trợ của Trung ương cùng với nguồn lực đầu tư tư nhân trong việc thực hiện vững chắc các quy hoạch mang tầm quốc gia, vùng miền đặc biệt trong việc bảo tồn và phát huy sự đa dạng văn hóa của cộng đồng các tộc người ở nước ta.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch: khai thác và sử dụng hợp lý các dạng tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn. Đặc biệt, là các dạng tài nguyên về di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, các nét sinh hoạt văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số. Thông qua phát triển du lịch cộng đồng, tộc người thiểu số vừa tạo được sinh kế mới, bền vững, vừa giao lưu, tiếp thu được tinh hoa của nhiều nền văn hóa khác.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề, đào tạo các ngành nghề mà địa phương cần phát triển chủ yếu là văn hóa, du lịch, công nghiệp chế biến... nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng như cầu đào tạo.

- Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các chính sách, chương trình dự án của trung ương và của vùng nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Về cộng đồng các tộc người thiểu số sinh sống tập trung là một lợi thế trong quy hoạch bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch.

- Cộng đồng có tính cấu kết cộng đồng cao là cơ sở vững chắc cho các hoạt động giao lưu, thực hành giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

Chiến lược khắc phục điểm yếu

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác văn hóa và đảm bảo sự phát triển của đa dạng văn hóa.

- Tăng cường nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong tổ chức các ngày hội văn hóa các cấp. Gắn việc bảo tồn với phát triển các dịch vụ văn hóa.

- Giúp mỗi thành viên trong cộng đồng và cả cộng đồng hiểu được vấn đề duy trì, thực hành, trao truyền và giao lưu văn hóa truyền thống là vấn đề "tự thân". Chỉ khi nào chủ thể văn hóa có ý thức bảo vệ và thực hành văn hóa của mình thì các giá trị văn hóa đó mới được duy trì và phát huy.

- Giao lưu văn hóa tạo nên sự sáng tạo và đa dạng văn hóa ngày càng trở nên phong phú và trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống phù hợp với xu hướng phát triển nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa.

- Nâng cao đời sống của cộng đồng, đặc biệt là các nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần.

- Quan tâm đến việc nuôi dưỡng và trao truyền văn hóa, tạo ra các sân chơi mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đến thế hệ trẻ. Đa dạng các hình thức giảng dạy trong nhà trường và cộng đồng về giáo dục di sản văn hóa.

- Tăng cường tính cấu kết cộng đồng trong các hoạt động văn hóa thông qua các nhóm liên kết tự nguyện tại cộng đồng, tăng cường vai trò tự chủ, tự quản và tự quyết của cộng đồng.

Chiến lược nắm bắt cơ hội

- Nắm bắt các lợi ích từ việc tăng trưởng kinh tế, giao lưu văn hóa nâng tầm vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

- Phát huy tối đa các chính sách của Trung ương, vùng và của tỉnh từ đó thu hút các nguồn đầu tư lớn vào phát triển hạ tầng cơ sở, các ngành công nghiệp, dịch vụ của vùng.

- Tận dụng tối đa các nguồn lực đầu tư từ nước ngoài; đặc biệt đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ văn hóa, du lịch.

- Thực hiện các lộ trình chuyển đổi cơ cấu ngành nghề theo các chương trình dự án của trung ương, vùng và của địa phương đã đề ra. Sớm áp dụng các cơ chế chính sách đặc biệt được sự cho phép của trung ương.

- Đời sống cộng đồng ngày càng được nâng cao.

- Cộng đồng ngày càng nhận thức vị trí và vai trò quan trọng của đa dạng văn hóa trong đời sống xã hội hiện nay.

- Giao lưu văn hóa được mở rộng giúp cộng đồng nhận diện được các giá trị văn hóa của dân tộc mình và có những phương thức bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa ngày càng hiệu quả và bền vững hơn.

Chiến lược loại bỏ thách thức

- Duy trì nhịp độ tăng trưởng, chú trọng sử dụng các nguồn vốn đầu tư vào các ngành kinh tế mang hiệu quả cao và bền vững (du lịch, dịch vụ...).

- Tạo các cơ chế mới, linh hoạt, hiệu quả, giải phóng các tiềm năng bằng sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có. Đặc biệt là nguồn lực văn hóa trong cộng đồng các tộc người thiểu số Việt Nam.

- Đa dạng văn hóa cần hướng đến phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến không gian văn hóa và không gian phát triển của ngành du lịch, dịch vụ.

- Tạo sự khác biệt của ngành du lịch với các địa phương và nước trong khu vực thông qua việc phát huy và phát triển các loại hình du lịch văn hóa gắn với cộng đồng các DTTS của vùng.

- Tạo việc làm dồi dào theo lĩnh vực ngành nghề, đảm bảo an sinh xã hội và giảm chênh lệch giàu nghèo.

- Tăng cường vai trò của các nhóm liên kết tự nguyện trong cộng đồng. Đa dạng các hoạt động, hỗ trợ cộng đồng trong các thực hành văn hóa.

- Định hướng thế hệ trẻ tiếp cận thông tin, vui chơi giải trí thông qua các hoạt động giáo dục di sản tại gia đình, cộng đồng và nhà trường.

4. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý văn hóa của các DTTS trong bối cảnh hội nhập và phát triển không chỉ là hoạt động bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống mà còn là một bộ phận quan trọng của quá trình phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi. Giữa bảo tồn văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội tồn tại mối quan hệ tương hỗ chặt chẽ. Một mặt, việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống góp phần củng cố bản sắc cộng đồng, tăng cường sự gắn kết xã hội và tạo nguồn lực cho phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng. Mặt khác, sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống vật chất và nâng cao trình độ dân trí lại tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng có thêm nguồn lực tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy công tác quản lý văn hóa ở nhiều địa phương vẫn đang đối mặt với không ít khó khăn và thách thức. Quá trình hội nhập, đô thị hóa và tác động của kinh tế thị trường đã làm thay đổi môi trường văn hóa truyền thống, dẫn đến nguy cơ mai một một số loại hình di sản văn hóa của đồng bào DTTS. Bên cạnh đó, năng lực quản lý văn hóa ở cơ sở chưa đồng đều, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn thiếu kiến thức chuyên môn sâu, trong khi sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan trong quá trình bảo tồn văn hóa chưa thực sự hiệu quả. Điều này cho thấy quản lý văn hóa cần được tiếp cận theo hướng tổng thể, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, phát triển và phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS. Đáng chú ý là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó Dự án 6 tập trung vào bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Việc ban hành các cơ chế, chính sách chuyên biệt cho thấy văn hóa DTTS không

chỉ được nhìn nhận như một giá trị cần bảo tồn mà còn là nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển địa phương trong giai đoạn mới.

Một kết quả đáng chú ý khác của nghiên cứu là khẳng định vai trò của quản lý văn hóa DTTS trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực. Việc đưa các nội dung về văn hóa và quản lý văn hóa DTTS vào chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng có ý nghĩa quan trọng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và năng lực thực tiễn cho sinh viên, học viên cũng như đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang công tác ở vùng DTTS và miền núi. Đây là cơ sở để nâng cao hiệu quả thực thi chính sách dân tộc, chính sách văn hóa và góp phần bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về quản lý văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy quản lý văn hóa các DTTS cần được tiếp cận theo hướng liên ngành, lấy cộng đồng làm trung tâm và gắn chặt với mục tiêu phát triển bền vững. Chỉ khi giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công tác quản lý văn hóa mới có thể phát huy hiệu quả trong việc gìn giữ và lan tỏa các giá trị văn hóa DTTS trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

5. Kết luận

Quản lý văn hóa các DTTS trong bối cảnh hội nhập và phát triển là một nhiệm vụ vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp thiết đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Kết quả nghiên cứu cho thấy, văn hóa truyền thống của 53 DTTS không chỉ là bộ phận cấu thành quan trọng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng mà còn là nguồn lực nội sinh phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tuy nhiên, dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa, đô thị hóa, chuyển đổi số và giao lưu văn hóa ngày càng sâu rộng, nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một, biến đổi hoặc thất truyền nếu không được quản lý, bảo tồn và phát huy một cách hiệu quả.

Nghiên cứu cũng khẳng định rằng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống không phải là

quá trình tách rời với phát triển kinh tế - xã hội, mà tồn tại trong mối quan hệ tương hỗ. Việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bảo tồn văn hóa; ngược lại, khai thác hợp lý các giá trị văn hóa truyền thống sẽ góp phần tạo sinh kế, phát triển du lịch cộng đồng và nâng cao vị thế của cộng đồng địa phương. Trong bối cảnh đó, quản lý văn hóa giữ vai trò trung tâm trong việc điều hòa các mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa lợi ích văn hóa và lợi ích kinh tế.

Thực tiễn thời gian qua cho thấy Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS, tiêu biểu là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 cùng các chương trình, dự án chuyên đề về văn hóa. Những chính sách này đã tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực quan trọng cho công tác quản lý văn hóa ở vùng DTTS. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thực thi, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực văn hóa, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong bảo tồn, số hóa và quảng bá di sản văn hóa.

Bên cạnh ý nghĩa đối với công tác quản lý thực tiễn, nghiên cứu còn góp phần bổ sung cơ sở lý luận và tài liệu tham khảo cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong lĩnh vực công tác dân tộc, văn hóa và quản lý nhà nước. Đây là nền tảng quan trọng giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người học nâng cao nhận thức, kiến thức và năng lực thực thi chính sách văn hóa tại vùng đồng bào DTTS.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về các mô hình quản lý văn hóa dựa vào cộng đồng, tác động của chuyển đổi số đối với văn hóa DTTS, cũng như các giải pháp gắn bảo tồn văn hóa với phát triển du lịch bền vững và kinh tế sáng tạo. Đây sẽ là những hướng tiếp cận quan trọng nhằm bảo đảm các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được gìn giữ, phát huy và truyền tiếp cho các thế hệ tương lai trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước.

Tài liệu tham khảo

- Asian Development Bank (ADB). (2020). *Ethnic Minority Development in Vietnam: A Socioeconomic Perspective*. Manila: Asian Development Bank. URL: <https://www.adb.org/publications>
- Baulch, B., Chuyen, T. T. K., Haughton, D., & Haughton, J. (2007). Ethnic Minority Development in Vietnam. *Journal of Development Studies*, 43(7), 1151–1176. DOI: <https://doi.org/10.1080/00220380701526485>
- Bùi Hoài Sơn (Chủ biên). (2012). *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc. (2024). *Chính sách dân tộc và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số*. URL: <https://ubdt.gov.vn>
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. URL: <https://xaydungdang.org.vn>
- General Statistics Office of Vietnam. (2020). *Results of the Survey on the Socio-Economic Situation of 53 Ethnic Minorities in Vietnam*. Hà Nội. URL: <https://www.gso.gov.vn>
- Hall, D., Hirsch, P., & Li, T. M. (2011). *Powers of Exclusion: Land Dilemmas in Southeast Asia*. Singapore: NUS Press. DOI: <https://doi.org/10.1355/9789814311710>
- International Labour Organization (ILO). (2019). *Indigenous and Tribal Peoples Convention and Cultural Rights*. Geneva: ILO. URL: <https://www.ilo.org>
- Jamieson, N., Le, T. C., & Rambo, A. T. (1998). *The Development Crisis in Vietnam's Mountains*. Honolulu: East-West Center. URL: <https://www.eastwestcenter.org>
- London, J. D. (Ed.). (2014). *Politics in Contemporary Vietnam: Party, State and Authority Relations*. London: Palgrave Macmillan. DOI: <https://doi.org/10.1057/9781137347537>
- McElwee, P. (2008). Forest Environmental Income in Vietnam: Household Socioeconomic Factors Influencing Forest Use. *Environmental Conservation*, 35(2), 147–159. DOI: <https://doi.org/10.1017/S0376892908004889>
- Ngô Đức Thịnh. (2010). *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Chí Bền (Chủ biên). (2013). *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Nguyễn Thị Kim Loan (Chủ biên). (2014). *Quản lý di sản văn hóa*. Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Phan Hồng Giang, & Bùi Hoài Sơn (Đồng chủ biên). (2012). *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Taylor, P. (2007). *Modernity and Re-Enchantment: Religion in Post-Revolutionary Vietnam*. Singapore: Institute of Southeast Asian Studies. DOI: <https://doi.org/10.1355/9789812304400>
- United Nations Development Programme (UNDP). (2018). *Ethnic Minorities in Vietnam: A Country Profile*. New York: UNDP. URL: <https://www.undp.org/vietnam>
- United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (UNESCO). (2022). *Culture and Sustainable Development*. Paris: UNESCO. URL: <https://www.unesco.org/en/culture>
- Ủy ban Dân tộc. (2020). *Tổng hợp kết quả điều tra thực trạng kinh tế – xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. Hà Nội: NXB Văn hóa Dân tộc. URL: <https://ubdt.gov.vn>
- World Bank. (2019). *Sustaining Poverty Reduction and Shared Prosperity in Vietnam*. Washington, DC: World Bank. DOI: <https://doi.org/10.1596/978-1-4648-1331-4>

VĂN HÓA DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM
TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Trần Quốc Hùng

Học viện Dân tộc, Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Email: tranquochungxhh@gmail.com

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-9486-9783>

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 10/3/2026

Ngày phản biện: 20/5/2026

Ngày tác giả sửa: 10/6/2026

Ngày duyệt đăng: 15/6/2026

Ngày phát hành: 30/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.64223/tvj.p2026.v2.i6.a102>

Tóm tắt:

Quản lý văn hóa của các dân tộc thiểu số là một nội dung quan trọng trong chiến lược bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số đang đứng trước nhiều thách thức do tác động của quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa, sự du nhập của các xu hướng văn hóa mới và biến đổi trong lối sống cộng đồng. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao hiệu quả quản lý văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển bền vững. Trên cơ sở phân tích các tài liệu lý luận và thực tiễn, bài viết tập trung làm rõ những vấn đề cơ bản về quản lý văn hóa của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển; đồng thời nhận diện những cơ hội, thách thức và xu hướng vận động của các giá trị văn hóa truyền thống. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số; Hội nhập; Quản lý văn hóa; Phát triển, Việt Nam.

UNESCO ISCED-F: 0314 – Sociology and Cultural Studies

OECD FoR: 500206 – Ethnology

JEL: Z13 – Economic Sociology & Anthropology